

Số: 16/2020/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính hợp  
nhất kiểm toán năm 2019.

TP.HCM, ngày 30. tháng 03 năm 2020

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn,  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.  
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày  
...../...../2020 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách  
nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

**P. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGÔ THỊ THANH LAN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
<b><u>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</u></b>	2 - 3
<b><u>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</u></b>	4 - 5
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT</b>	6 - 7
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT</b>	8
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT</b>	9 - 10
<b>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	11 - 44

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Hoàng Hà	Quyền Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm kể từ ngày 09/09/2019
Ông Huỳnh Văn Hòa	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 09/09/2019
Bà Ngô Thị Thanh Lan	Phó Tổng Giám đốc	

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban	
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên	Bỏ nhiệm kể từ ngày 15/04/2019
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên	Bỏ nhiệm kể từ ngày 15/04/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 15/04/2019
Ông Ngô Văn Thông	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 15/04/2019

**Kế toán trưởng**

Bà Ngô Thị Thanh Lan

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,*



**Lê Hoàng Hà**  
**Chủ tịch**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Số: 191/2020/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019*

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30/03/2020, từ trang 06 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn tại ngày 31/12/2019 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020*

**Lê Quang Nghĩa**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số 3660-2017-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>618.552.567.535</b>	<b>543.411.447.158</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	62.232.700.634	29.793.062.935
Tiền	111		62.232.700.634	24.563.062.935
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.230.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		267.632.658.862	217.432.409.984
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	263.180.426.221	212.929.719.944
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.740.752.141	3.950.292.914
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.441.984.965	2.258.563.875
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.735.444.466)	(1.711.106.750)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.940.001	4.940.001
Hàng tồn kho	140	5	286.342.753.566	289.112.878.579
Hàng tồn kho	141		286.342.753.566	289.112.878.579
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.344.454.473	7.073.095.660
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	1.677.460.456	1.348.426.677
Thuế GTGT được khấu trừ	152		444.090.440	5.544.391.389
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	222.903.577	180.277.594
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>188.895.589.990</b>	<b>191.819.450.313</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		408.460.684	173.460.684
Phải thu dài hạn khác	216	8	408.460.684	173.460.684
Tài sản cố định	220		137.370.772.239	143.525.247.413
Tài sản cố định hữu hình	221	9	88.136.435.397	96.808.480.041
- Nguyên giá	222		153.812.387.405	152.462.656.432
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.675.952.008)	(55.654.176.391)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	3.310.476.190	-
- Nguyên giá	225		3.520.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(209.523.810)	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	45.923.860.652	46.716.767.372
- Nguyên giá	228		55.056.680.444	54.580.807.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.132.819.792)	(7.864.040.072)
Tài sản dở dang dài hạn	240		45.701.548.246	45.701.548.246
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	45.701.548.246	45.701.548.246
Tài sản dài hạn khác	260		5.414.808.821	2.419.193.970
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	5.333.644.624	2.416.023.380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		81.164.197	3.170.590
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>807.448.157.525</b>	<b>735.230.897.471</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>439.989.180.097</b>	<b>384.203.012.578</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>429.777.906.658</b>	<b>369.282.610.810</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	33.286.782.027	28.446.968.996
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.234.173.683	1.413.604.997
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.376.985.730	2.010.880.130
Phải trả người lao động	314		6.685.060.751	5.846.294.915
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	6.650.543.186	2.447.392.423
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	276.236.326	211.054.437
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	374.546.646.501	327.542.981.725
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.721.478.454	1.363.433.187
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.211.273.439</b>	<b>14.920.401.768</b>
Phải trả dài hạn khác	337	14	299.738.000	284.638.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	9.911.535.439	14.635.763.768
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>367.458.977.428</b>	<b>351.027.884.893</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>367.458.977.428</b>	<b>351.027.884.893</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		303.371.200.000	275.792.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		303.371.200.000	275.792.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(250.000.000)	(250.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.324.226.729	8.175.955.129
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.013.550.699	67.309.929.764
- LNST chưa phân phối lũy kế đến năm trước	421a		23.158.812.897	31.505.403.092
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		30.854.737.802	35.804.526.672
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>807.448.157.525</b>	<b>735.230.897.471</b>



Lê Hoàng Hà  
Chủ tịch  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	901.397.925.107	820.278.482.668
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	37.364.375.347	19.669.699.990
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		864.033.549.760	800.608.782.678
Giá vốn hàng bán	11	21	729.974.679.519	664.243.404.464
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		134.058.870.241	136.365.378.214
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.876.460.700	3.674.763.389
Chi phí tài chính	22	23	25.593.722.900	21.236.825.120
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		25.281.119.974	20.077.996.191
Chi phí bán hàng	25	24	56.508.994.781	57.690.894.557
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	20.919.526.085	22.004.943.662
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.913.087.175	39.107.478.264
Thu nhập khác	31	25	2.045.755.255	1.926.343.430
Chi phí khác	32	26	172.864.837	630.658.782
Lợi nhuận khác	40		1.872.890.418	1.295.684.648
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.785.977.593	40.403.162.912
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	5.009.233.398	4.585.589.736
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(77.993.607)	13.046.504
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.854.737.802	35.804.526.672
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		30.854.737.802	35.804.526.672
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.103	1.285
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	1.103	1.285



Lê Hoàng Hà  
Chủ tịch  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		35.785.977.593	40.403.162.912
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.806.187.940	13.043.962.586
Các khoản dự phòng	03		24.337.716	(49.978.000)
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.075.761)	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(178.340.565)	(124.098.750)
Chi phí lãi vay	06		25.367.301.469	20.077.996.191
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		74.802.388.392	73.351.044.940
(Tăng) các khoản phải thu	09		(38.285.425.341)	(46.566.756.023)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		2.770.125.013	(15.049.901.532)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.404.044.645	(28.169.324.711)
Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12		(2.720.715.946)	4.069.702.228
Tiền lãi vay đã trả	14		(25.031.377.683)	(20.054.054.686)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.517.367.516)	(4.269.697.086)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	205.947.471
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(271.123.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		16.421.671.563	(36.754.162.699)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.183.786.884)	(11.947.428.682)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.841.670.699	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		116.068.177	85.475.918
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(12.226.048.008)	(11.861.952.764)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		781.098.471.623	683.546.679.623
Tiền trả nợ gốc vay	34		(738.520.823.247)	(613.520.236.067)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(298.211.929)	(2.293.147.715)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.035.422.302)	(27.566.285.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>28.244.014.145</b>	<b>40.167.010.141</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>32.439.637.699</b>	<b>(8.449.105.322)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	29.793.062.935	38.242.168.257
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	62.232.700.634	29.793.062.935



**Lê Hoàng Hà**  
Chủ tịch  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

**Ngô Thị Thanh Lan**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Thu Hạnh**  
Người lập

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 05 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 303.371.200.000 đồng (Ba trăm lẻ ba tỷ ba trăm bảy mươi một triệu hai trăm ngàn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23/11/2016, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84-8) 3710 0101

Fax : (84-8) 6251 9574

Mã số thuế : 0307526635

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Chi nhánh Long Khánh - Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Số 81, đường 21/4, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cour Đăng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	50 Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GDCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Km số 6, Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Thửa đất số 31, Khu A3, Đường Số 01, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Số 41 Nguyễn Thái Học, Khóm 10, Phường 1, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, đường Lê Duẩn, Khu Phố 3, Phường Dài Sơn, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-029	Áp chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-030	Áp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tại ngày 31/12/2019 Công ty có 299 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2018 là 283 nhân viên).

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất giày dép; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng, sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch, đại lý du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Đúc sắt, thép;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung; Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà các loại, công trình công ích;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất; Sửa chữa đồ dùng gia đình;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

**1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

**1.4. CẤU TRÚC CÔNG TY**

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV	Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp,	100%	100%
Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Huyện Núi Thành, Quảng Nam		

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà (Công ty mẹ) và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

#### 2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### 2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

#### 3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao là các khoản đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định tại ngày báo cáo và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### 3.3 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

#### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

##### 3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

##### 3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

##### 3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

### 3.7 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

***Phần mềm máy tính***

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phần gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản**

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí quảng cáo, thuê nhà**

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

**3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

**3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông. Từ năm 2015, quỹ dự phòng tài chính không được sử dụng và số dư quỹ này được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.14 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

#### Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 3.16 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy, Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

### 3.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.17 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính 2019 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	3.058.232.832	7.138.001.404
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.174.467.802	17.425.061.531
Các khoản tương đương tiền	-	5.230.000.000
	<b>62.232.700.634</b>	<b>29.793.062.935</b>

**5. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	9.501.211.075	-	4.160.459.812	-
Nguyên liệu, vật liệu	124.352.607.946	-	108.619.998.902	-
Công cụ, dụng cụ	178.772.433	-	187.829.477	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.274.647.355	-	14.799.679.715	-
Thành phẩm	51.403.770.632	-	45.566.968.266	-
Hàng hóa	87.631.744.124	-	115.777.942.408	-
	<b>286.342.753.566</b>	<b>-</b>	<b>289.112.878.579</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.677.460.456</b>	<b>1.348.426.677</b>
- Chi phí trả trước về thuê kho	584.160.000	602.702.021
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	266.730.616	235.243.448
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	826.569.840	510.481.208
<b>Dài hạn</b>	<b>5.333.644.624</b>	<b>2.416.023.380</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.240.809.943	1.274.152.558
- Chi phí sửa chữa	341.509.893	40.277.777
- Tiền thuê đất tại Quảng Nam	108.000.000	162.000.000
- Chi phí mua bảo hiểm	17.265.192	28.135.206
- Các khoản khác	3.626.059.596	911.457.839
	<b>7.011.105.080</b>	<b>3.764.450.057</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>263.180.426.221</b>	<b>(1.735.444.466)</b>	<b>212.929.719.944</b>	<b>(1.711.106.750)</b>
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	888.395.216	(888.395.216)	888.395.216	(888.395.216)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Phong Phú	822.711.534	(822.711.534)	822.711.534	(822.711.534)
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.676.711.125	-	2.565.523.125	-
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	4.845.675.249	-	4.949.657.609	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại Vina	92.225.953.848	-	47.649.583.148	-
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Phát Triển Hưng Thịnh	77.129.529.297	-	35.100.546.435	-
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Minh Ngọc Dương	-	-	19.565.499.891	-
- Nhà phân phối Đức Trung - Đồng Nai	3.457.203.552	-	3.920.842.892	-
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đức Thịnh	3.396.046.257	-	2.662.838.553	-
- Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Tổng Hợp Sao Phương Nam	-	-	5.312.777.177	-
- Công ty TNHH Kinh Doanh Tổng Hợp Trần Gia Phát	-	-	34.465.955	-
- Các đối tượng khác	77.738.200.143	(24.337.716)	89.456.878.409	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>263.180.426.221</b>	<b>(1.735.444.466)</b>	<b>212.929.719.944</b>	<b>(1.711.106.750)</b>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan thuyết minh chi tiết tại mục 32.3

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.441.984.965</b>	<b>-</b>	<b>2.258.563.875</b>	<b>-</b>
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.676.808.726	-	1.675.498.504	-
- Kỳ cược, ký quỹ	139.502.112	-	44.502.112	-
- Bảo hiểm xã hội	136.445.609	-	121.739.939	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	489.228.518	-	416.823.320	-
<b>Dài hạn</b>	<b>408.460.684</b>	<b>-</b>	<b>173.460.684</b>	<b>-</b>
- Kỳ cược, ký quỹ	408.460.684	-	173.460.684	-
	<b>2.850.445.649</b>	<b>-</b>	<b>2.432.024.559</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
01/01/2019	60.986.664.077	32.911.711.150	52.297.127.904	6.267.153.301	152.462.656.432
- Mua trong năm	-	5.508.965.350	926.272.727	-	6.435.238.077
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.785.507.104)	(300.000.000)	-	(5.085.507.104)
- Phân loại lại tài sản	-	1.125.766.448	(1.125.766.448)	-	-
<b>31/12/2019</b>	<b>60.986.664.077</b>	<b>34.760.935.844</b>	<b>51.797.634.183</b>	<b>6.267.153.301</b>	<b>153.812.387.405</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2019	(11.274.644.032)	(21.916.965.148)	(19.235.363.036)	(3.227.204.175)	(55.654.176.391)
- Khấu hao trong năm	(2.771.842.243)	(3.434.808.548)	(5.217.774.445)	(903.459.174)	(12.327.884.410)
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.306.108.793	-	-	2.306.108.793
- Phân loại lại tài sản	-	(993.204.016)	993.204.016	-	-
<b>31/12/2019</b>	<b>(14.046.486.275)</b>	<b>(24.038.868.919)</b>	<b>(23.459.933.465)</b>	<b>(4.130.663.349)</b>	<b>(65.675.952.008)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2019	49.712.020.045	10.994.746.002	33.061.764.868	3.039.949.126	96.808.480.041
<b>31/12/2019</b>	<b>46.940.177.802</b>	<b>10.722.066.925</b>	<b>28.337.700.718</b>	<b>2.136.489.952</b>	<b>88.136.435.397</b>

Tại ngày 31/12/2019, Tài sản cố định công trình văn phòng và nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 51.935.501.094 đồng và 28.829.545.713 đồng đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay là: 21.607.067.959 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019: 35.565.969.254 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2019	-	-
- Thuê TSCĐ thuê tài chính	3.520.000.000	3.520.000.000
31/12/2019	<u>3.520.000.000</u>	<u>3.520.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2019	-	-
- Khấu hao trong năm	(209.523.810)	(209.523.810)
31/12/2019	<u>(209.523.810)</u>	<u>(209.523.810)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2019	-	-
31/12/2019	<u>3.310.476.190</u>	<u>3.310.476.190</u>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2019	54.061.075.444	519.732.000	54.580.807.444
- Mua trong năm	-	475.873.000	475.873.000
31/12/2019	<u>54.061.075.444</u>	<u>995.605.000</u>	<u>55.056.680.444</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2019	(7.456.767.888)	(407.272.184)	(7.864.040.072)
- Khấu hao trong năm	(1.118.440.092)	(150.339.628)	(1.268.779.720)
31/12/2019	<u>(8.575.207.980)</u>	<u>(557.611.812)</u>	<u>(9.132.819.792)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2019	<u>46.604.307.556</u>	<u>112.459.816</u>	<u>46.716.767.372</u>
31/12/2019	<u>45.485.867.464</u>	<u>437.993.188</u>	<u>45.923.860.652</u>

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m<sup>2</sup> tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>		
- Quyền sử dụng đất (*)	31.076.093.700	31.076.093.700
- Nhà máy mở rộng - Sơn Hà Chu Lai	14.625.454.546	14.625.454.546
	<b>45.701.548.246</b>	<b>45.701.548.246</b>

(\*) Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất 5.786,5 m<sup>2</sup> tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 25.072.093.700 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất 1.000 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.650.543.186</b>	<b>2.447.392.423</b>
- Chi phí trích trước hàng khuyến mại	1.959.895.403	930.459.740
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	4.190.081.112	1.216.307.237
- Chi phí lãi vay	500.566.671	300.625.446
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>6.650.543.186</b>	<b>2.447.392.423</b>

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>276.236.326</b>	<b>211.054.437</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	110.804.490	27.534.784
- Kinh phí công đoàn	84.893.181	53.944.074
- Nhận ký quỹ, ký cược	8.500.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	72.038.655	129.575.579
<b>Dài hạn</b>	<b>299.738.000</b>	<b>284.638.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	299.738.000	284.638.000
	<b>575.974.326</b>	<b>495.692.437</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>33.286.782.027</b>	<b>33.286.782.027</b>	<b>28.446.968.996</b>	<b>28.446.968.996</b>
- Công ty TNHH Posco VST	7.152.337.272	7.152.337.272	12.128.217.710	12.128.217.710
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	5.924.414.668	5.924.414.668	6.859.713.844	6.859.713.844
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.168.685.260	5.168.685.260	2.760.285.531	2.760.285.531
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	-	378.222.234	378.222.234
- Công ty Cổ phần Toàn Thắng	8.297.680.058	8.297.680.058	-	-
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà (SHK)	229.100.047	229.100.047	1.005.684.350	1.005.684.350
- Các đối tượng khác	6.514.564.722	6.514.564.722	5.314.845.327	5.314.845.327
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>33.286.782.027</b>	<b>33.286.782.027</b>	<b>28.446.968.996</b>	<b>28.446.968.996</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết theo mục 32.3</b>	<b>19.619.880.033</b>	<b>19.619.880.033</b>	<b>11.003.905.959</b>	<b>12.039.193.586</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	472.146.239	16.254.372.618	15.960.059.535	766.459.322
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	141.158.927	141.158.927	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.519.303.844	5.009.233.398	4.517.367.516	2.011.169.726
- Thuế thu nhập cá nhân	19.430.047	881.381.104	301.454.469	599.356.682
- Các loại thuế khác	-	30.000.000	30.000.000	-
	<b>2.010.880.130</b>	<b>22.316.146.047</b>	<b>20.950.040.447</b>	<b>3.376.985.730</b>
	<b>01/01/2019</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>31/12/2019</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	180.277.594	7.890.982.814	7.933.608.797	222.903.577
	<b>180.277.594</b>	<b>7.890.982.814</b>	<b>7.933.608.797</b>	<b>222.903.577</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a, Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	374.546.646.501	374.546.646.501	794.386.198.023	747.382.533.247	327.542.981.725	327.542.981.725
Vay ngắn hạn	368.102.558.099	368.102.558.099	787.365.941.623	737.925.751.258	318.662.367.734	318.662.367.734
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (1)	124.493.436.031	124.493.436.031	237.590.312.780	208.593.252.720	95.496.375.971	95.496.375.971
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV) (2)	72.943.409.690	72.943.409.690	135.071.627.396	108.976.290.485	46.848.072.779	46.848.072.779
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (3)	76.815.006.263	76.815.006.263	174.678.200.664	185.157.684.661	87.294.490.260	87.294.490.260
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (4)	93.850.706.115	93.850.706.115	240.025.800.783	235.198.523.392	89.023.428.724	89.023.428.724
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</b>	<b>5.914.235.770</b>	<b>5.914.235.770</b>	<b>6.490.403.768</b>	<b>9.456.781.989</b>	<b>8.880.613.991</b>	<b>8.880.613.991</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (5)	832.800.000	832.800.000	832.800.000	832.800.000	832.800.000	832.800.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (8)	1.452.742.000	1.452.742.000	2.028.910.000	1.411.560.000	835.392.000	835.392.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)	178.933.768	178.933.768	178.933.768	268.399.992	268.399.992	268.399.992
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (9)	3.449.760.002	3.449.760.002	3.449.760.000	6.944.021.997	6.944.021.999	6.944.021.999
<b>Nợ thuế tài chính (7)</b>	<b>529.852.632</b>	<b>529.852.632</b>	<b>529.852.632</b>	-	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả (dưới 1 năm)	529.852.632	529.852.632	529.852.632	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>9.911.535.439</b>	<b>9.911.535.439</b>	<b>3.124.092.632</b>	<b>7.848.320.961</b>	<b>14.635.763.768</b>	<b>14.635.763.768</b>
<b>Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)</b>	<b>8.145.360.000</b>	<b>8.145.360.000</b>	<b>-</b>	<b>6.490.403.768</b>	<b>14.635.763.768</b>	<b>14.635.763.768</b>
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)	-	-	-	178.933.768	178.933.768	178.933.768
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (8)	1.044.280.000	1.044.280.000	-	2.028.910.000	3.073.190.000	3.073.190.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (5)	201.600.000	201.600.000	-	832.800.000	1.034.400.000	1.034.400.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (9)	6.899.480.000	6.899.480.000	-	3.449.760.000	10.349.240.000	10.349.240.000
<b>Nợ thuê tài chính (7)</b>	<b>1.766.175.439</b>	<b>1.766.175.439</b>	<b>3.124.092.632</b>	<b>1.357.917.193</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	1.766.175.439	1.766.175.439	3.124.092.632	1.357.917.193	-	-
	<b>384.458.181.940</b>	<b>384.458.181.940</b>	<b>797.510.290.655</b>	<b>755.230.854.208</b>	<b>342.178.745.493</b>	<b>342.178.745.493</b>

(1) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 71/2019-HĐTDHM/NHCT944-SONHASAIGON ngày 08/09/2019 với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hạn mức: 150.000.000.000 đồng;
- Thời gian duy trì hạn mức: kể từ ngày 08/09/2019 đến ngày 28/08/2020;
- Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp số 17/2015-HDTC-SH/NHCT944-SH ngày 02/06/2015, hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 40-2015/HĐCCCP/PVH ngày 28/08/2015, Hợp đồng thế chấp số 55/2015-HDTC-SH/NHCT944-SH ngày 26/10/2015, Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HDTC-SH/NHCT944-SH ngày 02/11/2015; Hợp đồng thế chấp số 236/HĐTC ngày 02/12/2016; Hợp đồng thế chấp số 237/HĐTC ngày 02/12/2016; Hợp đồng thế chấp số 56/HĐTC ngày 14/03/2017; Hợp đồng thế chấp số 124/HĐTC ngày 14/06/2017 và Hợp đồng thế chấp số 130/HĐTC ngày 20/07/2017;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (2) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/7015218/HĐTD ngày 27/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng; Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 15/07/2020;
  - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
  - Các biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ/ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.
- (3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 03/TTD-0001/KHDN/17NH ngày 19/01/2017 kèm theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức ngày 23/05/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
  - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
  - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
  - Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, và các công trình văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 002/NHNT-KD/17 tháng 19/01/2017.
- (4) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 114/2019-HĐCVHM/NHCT482-SONHACHULAI ký ngày 25/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai với điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, lãi suất và thời hạn cho vay quy định theo từng lần nhận nợ;
  - Thời hạn duy trì hạn mức: Từ 27/11/2019 đến 22/11/2020;
  - Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 66/2017/HĐTC-KHDN ngày 09/08/2017; Hợp đồng thế chấp động sản số 73-2015/HĐTC-KHDN ngày 27/10/2015; Hợp đồng thế chấp động sản số 74-2015/HĐTC-KHDN ngày 27/10/2015; Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 081/2015/HĐTC-KHDN ngày 30/11/2015; Văn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn ngày 05/06/2017.
- (5) Khoản vay theo hợp đồng số 0456/KH/15DN ký ngày 24/12/2015 số dư vay còn đến 31/12/201 số tiền: 660.000.000 đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay hoàn vốn đầu tư;
  - Ngày đáo hạn: 30/12/2020;
  - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
  - Tài sản đảm bảo: Khuôn bôn nhựa.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (5) Khoản vay theo hợp đồng số 0003/KH/DN/17/DH ký ngày 19/01/2017 số dư vay còn đến 31/12/2019 số tiền: 374.400.000 đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích sử dụng vốn vay: Hoàn vốn chi phí đầu tư liên quan đến thanh toán các chi phí hợp lý hợp lệ;
  - Ngày đáo hạn: 28/02/2022;
  - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
  - Tài sản đảm bảo: 2 xe ô tô Ford.
- (6) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 139915/HĐTD-TD/H/DN ngày 26/06/2015, số 142315/HĐTD-TD/H/DN ngày 06/07/2015, số 163215/HĐTD-TD/H/DN ngày 28/08/2015, giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Sài Gòn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Mua xe ô tô đầu tư phương tiện vận tải;
  - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày nhận vay trên các hợp đồng tín dụng;
  - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng vào ngày đầu mỗi quý;
- (7) Thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 126.19.02/CTTC ngày 18/03/2019, giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để thanh toán tiền mua máy ép thủy lực song động với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.
- (8) Bao gồm các khoản vay sau:
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 37/2015 - HĐTD/NHCT944-SONHA-HYUNDAI ngày 26/10/2015 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn, với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mua 09 xe ô tô tải Thaco Hyundai HD350;
  - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 26/10/2015;
  - Lãi suất: 7%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng được điều chỉnh 3 tháng/lần;
  - Tài sản đảm bảo: 06 chiếc xe tải Hyundai HD350 chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 55/2015-HĐTC/NHCT944-Sonha ngày 26/10/2015 và Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA giữa Công ty và ngân hàng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 21/2017 - HĐTD/NHCT944-SONHASK ngày 14/03/2017 và phụ lục số 1 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12 TP.HCM, số gốc vay đến 31/12/2019 là 1.879.672.000 đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mua 12 xe tải mui hiệu VEAM-VT260;
  - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày ký hợp đồng;
  - Lãi suất: 7%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng được điều chỉnh 3 tháng/lần;
  - Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA giữa Công ty và ngân hàng.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2018</b>	<b>275.792.000.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>6.044.281.728</b>	<b>61.847.555.393</b>	<b>343.433.837.121</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	35.804.526.672	35.804.526.672
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	2.131.673.401	(30.342.152.301)	(28.210.478.900)
+ <i>Trích lập quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	2.131.673.401	(2.131.673.401)	-
+ <i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	-	(355.278.900)	(355.278.900)
+ <i>Trả cổ tức bằng tiền</i>	-	-	-	(27.579.200.000)	(27.579.200.000)
+ <i>Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017</i>	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
<b>31/12/2018</b>	<b>275.792.000.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>8.175.955.129</b>	<b>67.309.929.764</b>	<b>351.027.884.893</b>
<b>01/01/2019</b>	<b>275.792.000.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>8.175.955.129</b>	<b>67.309.929.764</b>	<b>351.027.884.893</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	30.854.737.802	30.854.737.802
- Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	-	2.148.271.600	(44.151.116.867)	(14.423.645.267)
+ <i>Trích lập quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	2.148.271.600	(2.148.271.600)	-
+ <i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	-	(358.045.267)	(358.045.267)
+ <i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	-	-	-	(13.789.600.000)	(13.789.600.000)
+ <i>Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018</i>	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
+ <i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu</i>	27.579.200.000	-	-	(27.579.200.000)	-
<b>31/12/2019</b>	<b>303.371.200.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>10.324.226.729</b>	<b>54.013.550.699</b>	<b>367.458.977.428</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 28/2019/SHA ngày 26/04/2019.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng Hợp Lê Gia	45.450.240.000	41.318.400.000
Ông Lê Hoàng Hà	26.118.400.000	23.744.000.000
Các Cổ đông khác	231.802.560.000	210.729.600.000
	<b>303.371.200.000</b>	<b>275.792.000.000</b>

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	275.792.000.000	275.792.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm (*)	27.579.200.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	303.371.200.000	275.792.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối</b>	<b>44.151.116.867</b>	<b>30.342.152.301</b>

(\*) Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 28/2019/SHA ngày 26/04/2019. Theo Nghị quyết, tỷ lệ trả cổ tức tương đương 10%/ mệnh giá, đối với cổ đông phổ thông, tỷ lệ chia cổ phiếu là 100:10.

**18.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.337.120	27.579.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.337.120	27.579.200
+ Cổ phiếu phổ thông	30.337.120	27.579.200
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.337.120	27.579.200
+ Cổ phiếu phổ thông	30.337.120	27.579.200
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**18.5 CÁC QUỸ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.324.226.729	8.175.955.129



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	900.770.723.894	820.278.482.668
Doanh thu cung cấp dịch vụ	627.201.213	-
	<u>901.397.925.107</u>	<u>820.278.482.668</u>
Doanh thu với các bên liên quan chi tiết tại mục 32.3	11.824.732.400	20.560.366.233

**20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chiết khấu thương mại	29.109.083.195	11.153.879.401
Giảm giá hàng bán	5.763.980.901	3.330.683.144
Hàng bán bị trả lại	2.491.311.251	5.185.137.445
	<u>37.364.375.347</u>	<u>19.669.699.990</u>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	729.942.258.273	664.243.404.464
Giá vốn cung cấp dịch vụ	32.421.246	-
	<u>729.974.679.519</u>	<u>664.243.404.464</u>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	116.068.177	85.475.918
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.781.423	112.329.029
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.754.611.100	3.476.958.442
	<u>2.876.460.700</u>	<u>3.674.763.389</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	25.281.119.974	20.077.996.191
Chiết khấu thanh toán	848.299	-
Lãi trả chậm	27.109.706	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	198.463.425	246.283.453
Chi phí tài chính khác	86.181.496	912.545.476
	<b>25.593.722.900</b>	<b>21.236.825.120</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>20.919.526.085</b>	<b>22.004.943.662</b>
Chi phí nhân viên	7.353.808.597	7.848.327.332
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	579.102.124	762.309.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.876.674.345	2.987.861.115
Chi phí dự phòng	24.337.716	-
Chi phí thuế	9.641.981	9.226.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.578.781.695	5.170.541.714
Chi phí quản lý khác	6.497.179.627	5.226.677.582
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>56.508.994.781</b>	<b>57.690.894.557</b>
Chi phí nhân viên	33.999.217.985	33.169.099.325
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.199.729.211	1.753.432.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.352.828.536	4.220.163.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.694.892.111	3.726.606.203
Chi phí bán hàng khác	10.262.326.938	14.821.593.250

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ	62.272.388	-
Thu tiền cho thuê tài sản	159.443.880	159.443.880
Các khoản khác	1.824.038.987	1.766.899.550
	<b>2.045.755.255</b>	<b>1.926.343.430</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	98.593.304	119.417.706
Các khoản chi phí khác	74.271.533	511.241.076
	<b>172.864.837</b>	<b>630.658.782</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>35.785.977.593</b>	<b>40.403.162.912</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>4.030.852.253</b>	<b>225.921.808</b>
- Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất	418.876.799	181.438.400
- Các khoản chi phí (phạt)	13.400.000	44.483.408
- Lương năm 2018 chưa thanh toán đến 31/03/2019	59.988.341	-
- Chi phí lãi vay vượt mức khống chế	3.535.008.808	-
- Các khoản chi phí không hợp lý khác	3.578.305	-
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>(958.804.971)</b>	<b>17.635.903.518</b>
- Lợi nhuận Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	(958.804.971)	17.635.903.518
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>40.775.634.816</b>	<b>22.993.181.202</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Lợi nhuận chịu thuế 5%	20.452.666.389	-
- Lợi nhuận chịu thuế 20%	20.322.968.426	22.993.181.202
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>5.087.227.005</b>	<b>4.598.636.240</b>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(77.993.607)	(13.046.504)
Chi phí thuế TNDN phải trả	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.009.233.398</b>	<b>4.585.589.736</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn bán cho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai chưa bán ra bên ngoài	162.341.093	15.852.949
Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai bán cho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn chưa bán ra bên ngoài	973.919.565	-
<b>Chênh lệch tạm thời được khấu trừ</b>	<b>1.136.260.658</b>	<b>15.852.949</b>
<b>Trong đó:</b>		
+ Lợi nhuận chịu thuế TNDN 20%	162.341.093	15.852.949
+ Lợi nhuận chịu thuế TNDN 5%	973.919.565	-
<b>Thuế TNDN hoãn lại ước tính</b>	<b>(81.164.197)</b>	<b>(3.170.590)</b>
Thuế TNDN hoãn lại kỳ trước	3.170.590	16.217.094
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(77.993.607)</b>	<b>13.046.504</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**29.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	30.854.737.802	35.804.526.672
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	358.045.267
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP) (**)	27.964.553	27.579.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (***)</b>	<b>1.103</b>	<b>1.285</b>

(\*) Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 chưa có số liệu để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019. Số liệu trích lập sẽ căn cứ vào nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

(\*\*) Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 28/2019/SHA ngày 26/04/2019. Cổ phiếu tăng thêm được chính thức niêm yết vào ngày 11/11/2019.

(\*\*\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2018 đã được điều chỉnh do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2019 số 28/2019/SHA ngày 26/04/2019.

Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 là 1.285 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 trước điều chỉnh là 1.298 VND/CP).

**29.2 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH**

	Năm 2019 CP	Năm 2018 CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	27.579.200	27.579.200
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	2.757.920	-
<b>Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm</b>	<b>27.964.553</b>	<b>27.579.200</b>

**30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng Lãi cơ bản trên cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	221.373.472.905	188.079.960.552
Chi phí nhân công	48.371.031.305	47.853.088.513
Khấu hao tài sản cố định	13.712.083.270	13.043.962.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.891.386.300	10.915.942.424
Chi phí bằng tiền khác	17.052.746.509	20.687.822.051
	<b>311.400.720.289</b>	<b>280.580.776.126</b>

**32. THÔNG TIN KHÁC**

**32.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại + USD	29.066,88	102,88

**32.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai		
- Thanh lý TSCĐ chưa thu tiền	-	343.750.035
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	781.098.471.623	683.546.679.623
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	738.520.823.247	613.520.236.067

**32.3 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính 2019 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là Phó Chủ tịch
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Thu nhập của Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	812.740.000	832.892.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	276.000.000	276.000.000

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà</b>	<b>231.412.740</b>	<b>419.082.485</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	9.198.200	62.778.000
Đi thuê tài sản	121.134.540	121.134.540
Chi phí dịch vụ	-	162.550.000
Bán hàng hóa	101.080.000	72.619.945
<b>Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà</b>	<b>11.723.652.400</b>	<b>19.437.277.630</b>
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	11.723.652.400	19.437.277.630
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà</b>	<b>47.971.336.064</b>	<b>51.213.012.989</b>
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	500.772.136
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	47.971.336.064	50.712.240.853
<b>Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam</b>	<b>159.136.422.853</b>	<b>241.123.979.366</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	156.222.367.873	237.094.583.344
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	391.252.642
Chiết khấu thanh toán	2.754.611.100	3.478.699.500
Cho thuê tài sản	159.443.880	159.443.880
<b>Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà</b>	<b>9.637.410.258</b>	<b>16.824.189.051</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	9.637.410.258	16.824.189.051

**Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>7.522.386.374</b>	<b>12.963.937.527</b>
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.676.711.125	2.565.523.125
- Công ty Cổ phần ĐTPT Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	4.845.675.249	10.398.414.402
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>	<b>11.322.199.975</b>	<b>11.003.905.959</b>
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	378.222.234
- Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	5.924.414.668	6.859.713.844
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.168.685.260	2.760.285.531
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà	229.100.047	1.005.684.350



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2019	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	406.139.768.868	457.893.780.892	864.033.549.760
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>406.139.768.868</b>	<b>457.893.780.892</b>	<b>864.033.549.760</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	112.701.500.505	21.357.369.736	134.058.870.241
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(77.428.520.866)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>56.630.349.375</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			2.876.460.700
Chi phí tài chính			(25.593.722.900)
Thu nhập khác			2.045.755.255
Chi phí khác			(172.864.837)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.009.233.398)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			77.993.607
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>30.854.737.802</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2018	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	488.558.092.133	312.050.690.545	800.608.782.678
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>488.558.092.133</b>	<b>312.050.690.545</b>	<b>800.608.782.678</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	124.370.481.103	11.994.897.111	136.365.378.214
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(79.695.838.219)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>56.669.539.995</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			3.674.763.389
Chi phí tài chính			(21.236.825.120)
Thu nhập khác			1.926.343.430
Chi phí khác			(630.658.782)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(4.585.589.736)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(13.046.504)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>35.804.526.672</b>

**32.5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**32.6 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.



Lê Hoàng Hà  
Chủ tịch  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập